

Bản án số: 66/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 20-5-2024  
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Bảo Trâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Hồ Lệ Hoa

Ông Lý Quốc Cường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Phượng Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2024/QĐXX-ST ngày 03 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1992, có mặt

- Bị đơn: Chị Lữ Cẩm Y, sinh năm 1994, vắng mặt

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 05/3/2024 và tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh H và chị Y tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau vào ngày 11/12/2015. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng khoảng 02 năm nay phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân khoảng 07 tháng nay. Vì vậy, anh H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Y.

Về con chung: Thời gian chung sống anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 16/12/2015 và Nguyễn Gia H2, sinh ngày 30/8/2019, đang sống với chị Y. Khi ly hôn, anh H thống nhất giao cho chị Y tiếp tục nuôi dạy các con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

\* Tại bản tự khai ngày 22/3/2024, chị Lữ Cẩm Y trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh H tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau vào ngày 11/12/2015. Hiện tại vợ chồng không còn sống chung khoảng nửa năm nay do quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, cuộc sống không hạnh phúc. Vì vậy, chị cũng thống nhất ly hôn với anh H.

Về con chung: Thời gian chung sống anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 16/12/2015 và Nguyễn Gia H2, sinh ngày 30/8/2019, đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy các con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Anh Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Lữ Cẩm Y. Do anh chị chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; chị Y có địa chỉ tại ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của anh H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, chị Y có đơn yêu cầu vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Y theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Lữ Cẩm Y tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau vào ngày 11/12/2015. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng.



Quá trình thụ lý giải quyết vụ án anh **H** yêu cầu ly hôn với chị **Y**. Xét thấy, yêu cầu của anh **H** là có cơ sở. Bởi vì, thời gian chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn và hiện tại đã sống ly thân khoảng 07 tháng nay. Mặt khác, Tòa án có tổ chức hòa giải để anh chị có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do chị **Y** vắng mặt tại lần hòa giải không có lý do. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 22/3/2024, chị **Y** cũng thống nhất ly hôn theo yêu cầu của anh **H**. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho anh **Nguyễn Văn H** và chị **Lữ Cẩm Y** được ly hôn.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, anh chị có 02 người con chung tên **Nguyễn Ngọc H1**, sinh ngày 16/12/2015 (giới tính nữ) và **Nguyễn Gia H2**, sinh ngày 30/8/2019 (giới tính nam), hiện đang sống với chị **Y**. Chị **Y** yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy các cháu. Xét thấy, yêu cầu của chị **Y** là có cơ sở. Bởi vì, các cháu đang do chị **Y** nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con sẽ làm ảnh hưởng đến tình cảm của cháu. Mặt khác, anh **H** cũng thống nhất giao các cháu cho chị **Y** nuôi dạy. Vì vậy cần tiếp tục giao cháu **H1** và cháu **H2** cho chị **Y** nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Chị **Y** không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh **H**, chị **Y** không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Đối với nợ chung là không có, không ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Anh **Nguyễn Văn H** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Lữ Cẩm Y được ly hôn.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 16/12/2015 (giới tính nữ) và Nguyễn Gia H2, sinh ngày 30/8/2019 (giới tính nam), cho chị Y tiếp tục nuôi dạy. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai được quyền cản trở.
3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 06 tháng 3 năm 2024 anh H có nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0016022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.
5. Về quyền kháng cáo: Anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Y vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Tân Lộc Bắc;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Bảo Trâm**